

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO
51 VŨ TRỌNG PHỤNG - THANH XUÂN - HÀ NỘI

-----o0o-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 - 2012

Địa chỉ: 51 - VŨ TRỌNG PHỤNG - THANH XUÂN - HÀ NỘI**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Quý I năm 2012

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối quý
1	2	3	3	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		181,784,161,703	185,022,469,463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37,167,844,156	20,247,118,126
1. Tiền	111	V.01	2,167,844,156	1,747,118,126
2. Các khoản tương đương tiền	112		35,000,000,000	18,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2,231,946,200	11,652,372,800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7,408,363,012	16,408,363,012
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(5,176,416,812)	(4,755,990,212)
III. Các khoản phải thu	130		130,863,582,641	142,154,292,034
1. Phải thu của khách hàng	131		62,929,178,163	71,753,145,024
2. Trả trước cho người bán	132		3,890,421,991	4,252,374,970
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	70,762,011,460	72,866,801,013
6. Dự phòng các khoản thu khó đòi	139		(6,718,028,973)	(6,718,028,973)
IV. Hàng tồn kho	140		9,595,534,690	8,877,628,487
1. Hàng tồn kho	141	V.04	9,603,958,390	8,886,052,187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8,423,700)	(8,423,700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,925,254,016	2,091,058,016
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,925,254,016	2,091,058,016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		32,997,873,942	32,852,531,572
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối quý
1	2	3	3	4
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12,555,799,908	12,473,883,250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4,971,532,602	4,963,498,544
- Nguyên giá	222		11,605,720,137	11,816,702,864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,634,187,535)	(6,853,204,320)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7,444,451,423	7,370,568,823
- Nguyên giá	228		9,351,496,735	9,351,496,735
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,907,045,312)	(1,980,927,912)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	139,815,883	139,815,883
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	11,396,506,811	11,333,081,099
- Nguyên giá	241		12,685,142,283	12,685,142,283
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1,288,635,472)	(1,352,061,184)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,316,185,110	8,316,185,110
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8,316,185,110	8,316,185,110
4. Dự phòng giảm giá Đ.tư TC dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		729,382,113	729,382,113
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	189,382,113	189,382,113
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		540,000,000	540,000,000
<u>TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270=100+200)</u>	<u>270</u>		<u>214,782,035,645</u>	<u>217,875,001,035</u>
<u>NGUỒN VỐN</u>			-	-
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		68,209,347,873	70,272,362,295
I. Nợ ngắn hạn	310		66,347,997,899	68,810,787,552
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	176,000,000	176,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		13,566,712,970	13,286,878,485
3. Người mua trả tiền trước	313		3,007,250,461	5,087,683,308
4. Thuế & các khoản phải nộp NN	314	V.16	4,800,403,095	4,778,316,483
5. Phải trả công nhân viên	315		24,433,190,937	23,878,398,193
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13,524,814,687	14,741,919,393
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH Hợp đồng xây dựng	318		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối quý
1	2	3	3	4
9. Các khoản phải trả & phải nộp khác	319		6,022,482,921	6,409,428,227
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		817,142,828	452,163,463
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,861,349,974	1,461,574,743
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		378,801,059	378,801,059
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		561,219,048	561,219,048
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		921,329,867	521,554,636
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		146,572,687,772	147,602,638,740
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	146,572,687,772	147,602,638,740
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57,131,343,889	57,131,343,889
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2,511,165,126)	(2,511,165,126)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,962,734,509	7,962,734,509
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,140,058,654	3,140,058,654
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		849,715,846	1,879,666,814
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		214,782,035,645	217,875,001,035

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thu Nhân

TỔNG GIÁM ĐỐC



HACISCO
CÔNG TY CỔ PHẦN
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Đinh Tiến Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

TỪ NGÀY: 01/10/2012 ĐẾN NGÀY: 31/03/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	30 965 311 754	21 958 125 749
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-43 302 105 617	-1 356 710 339
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-1 997 429 772	- 984 870 588
4. Tiền chi trả lãi vay	04	- 108 118 266	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	- 500 000 000	- 700 000 000
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19 117 728 672	15 109 844 263
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-29 607 113 267	-23 651 845 106
	20	-25 431 726 496	10 374 543 979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		- 25 454 545
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-15 000 000 000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45 900 000 000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-23 400 000 000	- 777 124 928
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2 426 847 429
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1 011 000 466	336 670 111
	30	8 511 000 466	1 960 938 067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4 800 000 000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-4 800 000 000	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	40		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)			
	50	-16 920 726 030	12 335 482 046
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37 167 844 156	12 390 121 429
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	20 247 118 126	24 725 603 475

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thu Nhân

GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HACISCO
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Dinh Viên Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Đang đầy đủ)
Quý I năm 2012

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I - 2012		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	35,431,184,131	5,181,745,089	35,431,184,131	5,181,745,089
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		35,431,184,131	5,181,745,089	35,431,184,131	5,181,745,089
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	34,111,867,109	4,233,071,566	34,111,867,109	4,233,071,566
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1,319,317,022	948,673,523	1,319,317,022	948,673,523
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,169,830,292	336,670,111	1,169,830,292	336,670,111
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	5,884,932	1,699,847,566	5,884,932	1,699,847,566
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		0			0
8. Chi phí bán hàng	24		0		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,110,112,972	1,649,550,117	1,110,112,972	1,649,550,117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(24+25)	30		1,373,149,410	-2,064,054,049	1,373,149,410	-2,064,054,049
11. Thu nhập khác	31		119,180	7,396,474,689	119,180	7,396,474,689
12. Chi phí khác	32		633	3,092,269,642	633	3,092,269,642
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		118,547	4,304,205,047	118,547	4,304,205,047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,373,267,957	2,240,150,998	1,373,267,957	2,240,150,998
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	343,316,989	1,250,000,000	343,316,989	1,250,000,000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		1,029,950,968	990,150,998	1,029,950,968	990,150,998
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		129	124	129	124

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thu Nhân



Dinh Tiên Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Tư vấn thiết kế, thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông; Sản xuất vật tư, vật liệu phục vụ các công trình trên; Xây lắp các công trình về phát thanh - truyền hình; Buôn bán vật tư, thiết bị ngành bưu chính - viễn thông, phát thanh - truyền hình, cơ điện lạnh, giao thông; Kinh doanh nhà; Tư vấn khảo sát, giám sát, thẩm định, lập dự án, dự toán công trình bưu chính viễn thông; Duy tu, bảo dưỡng các loại tổng đài điện thoại, các thiết bị thông tin liên lạc, các mạng cáp đồng, cáp quang nội tỉnh và liên tỉnh; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, mặt bằng; Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông..../.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên vật liệu tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được hạch toán theo phương pháp đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình (CT, HMCT) như sau:

- Đối với các công trình không có khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ thì:
$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát} \\ \text{sinh trong kỳ từng} \\ \text{CT, HMCT} \end{array}$$
- Đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành có quyết toán A-B nhưng chưa được duyệt hoặc chưa có quyết toán A-B nhưng đã có Biên bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành thì:
$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang cuối kỳ từng} \\ \text{CT, HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{CT, HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát} \\ \text{sinh trong kỳ từng} \\ \text{CT, HMCT} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thành định} \\ \text{mức từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành định mức} \\ \text{từng CT, HCMT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu tạm tính} \\ \text{từng CT, HCMT} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} \\ \text{từng CT, HCMT} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, một phần của nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn được phép sử dụng đất. Trong đó:

<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Số năm</u>
Tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân	45
Tại Hà Tĩnh	50

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại cụm công nghiệp Thanh Oai, Hà Tây

50

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ sản xuất

Chi phí chuyển giao công nghệ sản xuất là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được công nghệ sản xuất đó. Chi phí chuyển giao công nghệ được khấu hao trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết Công ty không trích lập dự phòng giảm giá tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2010.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Khoản trích trước chi phí các công trình là khoản phải trả cho các Xi nghiệp và các đội thi công theo chi phí tạm tính của các công trình, hạng mục công trình đã có xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành, quyết toán A-B nhưng chưa được chủ đầu tư phê duyệt. Số liệu để hạch toán doanh thu theo số liệu chưa được phê duyệt trên, do đó Công ty đang tạm trích chi phí như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<i>Chi phí tạm tính của từng công trình, hạng mục công trình</i>	<i>=</i>	<i>Giá trị khối lượng hoàn thành từng công trình, hạng mục công trình</i>	<i>-</i>	<i>Thu nhập chịu thuế tính trước của từng công trình, hạng mục công trình</i>	<i>-</i>	<i>Các khoản chi phí có đủ chứng từ gốc đã tập hợp được của từng công trình, hạng mục công trình</i>
--	----------	---	----------	---	----------	--

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Hợp đồng xây dựng

▪ Doanh thu:

Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ nhận được Phiếu duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

▪ Chi phí xác định kết quả:

Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	850.216.596	415.585.283
Tiền gửi ngân hàng	576.341.022	1.752.258.873
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	18.500.000.000	35.000.000.000
Cộng	20.247.118.126	37.167.844.156

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	16.408.363.012	7.408.363.012
Đầu tư ngắn hạn khác – TG có kỳ hạn 1 năm trở xuống		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.755.990.212)	(5.176.416.812)
Cộng	11.652.372.800	2.231.946.200

Các khoản chi tiết về đầu tư chứng khoán ngắn hạn và trích lập dự phòng (Xem thêm Phụ lục 1)

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	71.753.145.024	62.929.178.163

4. Trả trước cho người bán*Trình bày theo đơn vị trực thuộc như sau:*

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	2.350.958.328	2.389.327.288
Tại Xí nghiệp số 1	0	
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 1	242.408.636	242.408.636
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 2		
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 4	205.252.000	
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 5	1.272.168.000	1.272.168.000
Tại Xí nghiệp số 8	117.505.620	
Tại Xí nghiệp Thiết kế	28.014.136	28.014.136
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT Phía Nam	36.068.250	36.068.250
Cộng	4.252.374.970	3.967.986.310

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	72.866.801.013	70.274.056.864

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán dưới 3 năm.

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	6.718.028.973	6.718.028.973

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	58.800.227	56.800.227
Công cụ, dụng cụ	29.677.922	29.677.922
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.799.574.038	9.517.480.241
Cộng	8.886.052.187	9.603.958.390

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Là khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

		<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
		<u>8.423.700</u>	<u>8.423.700</u>
9.	Tài sản ngắn hạn khác		
		<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Tạm ứng	2.091.058.016	1.925.254.016
	Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		0
	Cộng	<u>2.091.058.016</u>	<u>1.925.254.016</u>
10.	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Xem phụ lục 2)		
11.	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Xem phụ lục 3)		
12.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
		<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý</u>
		<u>139.815.883</u>	<u>0</u>
			<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong quý</u>
			<u>0</u>
	Cộng	<u>139.815.883</u>	<u>139.815.883</u>
13.	Bất động sản đầu tư		
	Là một phần tòa nhà Chung cư Láng Trung dùng làm Văn phòng cho thuê.		
	Đầu tư dài hạn khác		
		<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Đầu tư cổ phiếu	<u>1.316.185.110</u>	<u>1.316.185.110</u>
	Công ty Cổ phần Thiết kế Bưu điện (20.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)	250.375.110	250.375.110
	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Cần Thơ (15.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)	156.450.000	156.450.000
	Công ty Cổ phần Niên giám điện thoại những trang vàng (15.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)	188.400.000	188.400.000
	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hải phòng (13.560 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)	139.600.000	139.600.000
	Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản NTACO (300.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)		
	Công ty Cổ phần nhựa Sam Phú (8.136 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)	81.360.000	81.360.000
	Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hà Tĩnh (50.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND)	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư dài hạn khác – góp vốn cổ phần vào:	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (700.000 cổ phần)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	8.316.185.110	8.316.185.110

14. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	189.382.113
Tăng trong quý	0
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong quý	0
Số cuối quý	189.382.113

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		
Vay huy động vốn của cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động	176.000.000	176.000.000
Cộng	176.000.000	176.000.000

16. Phải trả người bán*Trình bày theo đơn vị trực thuộc như sau:*

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	7.969.375.174	7.492.261.484
Tại Xí nghiệp số 1	0	
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 1	275.757.920	275.757.920
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 2	367.784.625	513.062.625
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 4	484.495.415	1.100.165.590
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 5	2.504.108.523	2.504.108.523
Tại Xí nghiệp số 8		
Tại Xí nghiệp Thiết kế	0	
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT Phía Nam	1.681.356.828	1.681.356.828
Cộng	13.286.878.485	13.566.712.970

17. Người mua trả tiền trước*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Trình bày theo đơn vị trực thuộc như sau:*

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	2.457.777.177	1.682.662.518
Tại Xí nghiệp số 1		
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 1	0	428.581
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 2	0	0
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 4	1.806.690.979	427.974.000
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT số 5	252.894.470	0
Tại Xí nghiệp số 8		
Tại Xí nghiệp Thiết kế	85.320.682	35.048.520
Tại Xí nghiệp Xây lắp BC - VT Phía Nam	485.000.000	485.000.000
Tại Văn phòng Công ty	<u>5.087.683.308</u>	<u>2.631.113.619</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	2.635.650.138	2.653.845.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.861.068.435	2.050.612.386
Thuế thu nhập cá nhân	128.806.218	128.806.218
Tiền thuê đất	0	0
Các loại thuế khác	0	0
Cộng	<u>4.625.524.791</u>	<u>4.833.264.035</u>

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả		
Trích trước chi phí các công trình:	14.741.919.393	13.524.814.687
Cộng	<u>14.741.919.393</u>	<u>13.524.814.687</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>6.409.428.227</u>	<u>6.270.590.484</u>

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặt cọc về thuê văn phòng và nhà xưởng.

22. Vay và nợ dài hạn**23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm***Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số đầu năm	561.219.048
Số trích lập trong quý	0
Số chi trong quý	0
Số cuối quý	561.219.048
24. Vốn chủ sở hữu	

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	57.131.343.889	57.131.343.889
Cổ phiếu quỹ	(2.511.165.126)	(2.511.165.126)
Cộng	134.620.178.763	134.620.178.763

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng được mua lại	(200.000)	(200.000)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(200.000)</i>	<i>(200.000)</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng đang lưu hành	7.800.000	7.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.800.000</i>	<i>7.800.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.029.950.968	516.865.845
Các khoản điều chỉnh:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.029.950.968	516.865.845
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.800.000	7.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	35.431.184.131	39.919.808.282

27. Giá vốn hàng bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	34.111.867.109	38.827.424.950

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	1.169.830.292	1.293.313.480

29. Chi phí tài chính

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	5.884.932	1.345.037.400

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	1.110.112.972	6.672.027.660

31. Thu nhập khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	119.180	3.292.077.902

32. Chi phí khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	633	1.303.316.991

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Nhân



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

Dinh Tiến Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP BƯU ĐIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUI I-2012

Phụ lục 1: Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và tình hình trích lập dự phòng

STT	Mã CK	Tên đơn vị	Giá trị trên sổ sách						Tình hình trích lập dự phòng				Giá trị trường			
			Tại 01/01/2012			Tại 31/03/2012			Tại 01/01/2012	Tại 31/03/2012	Đơn giá	SL	Tại 31/12/2011		Tại 31/03/2012	
			SL	Giá trị	Đơn giá	SL	Giá trị	Đơn giá					SL	Giá trị	Đơn giá	SL
1	ATA	CP Công ty Cổ phần NTACO	169,200	4,011,843,998	23,711	169,200	4,011,843,998	23,711	(2,945,883,997)	(2,844,363,998)	6,300	169,200	1,065,960,000	6,300	1,167,480,000	6,900
2	ITC	CP Công ty CP Đầu tư - Kinh doanh nhà	21,000	548,435,787	26,116	21,000	548,435,787	26,116	(395,135,787)	(346,835,787)	7,300	21,000	153,300,000	7,300	201,600,000	9,600
3	HDC	CP Công ty CP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	6,000	207,959,975	34,660	6,000	207,959,975	34,660	(103,559,975)	(101,759,975)	17,400	6,000	104,400,000	17,400	106,200,000	17,700
4	ITA	CP Công ty CP ĐT và CN Tân	8,000	145,351,380	18,169	8,000	145,351,380	18,169	(93,351,380)	(57,351,380)	6,500	8,000	52,000,000	6,500	88,000,000	11,000
5	DRC	CP Công ty CP Cao su Đà Nẵng	10,500	327,498,493	31,190	10,500	327,498,493	31,190	(147,948,493)	(38,748,493)	17,100	10,500	179,550,000	17,100	288,750,000	27,500
6	TH1	CP Công ty CP XNK Tổng hợp 1 VN	9,000	417,351,899	46,372	9,000	417,351,899	46,372	(222,951,899)	(203,151,899)	21,600	9,000	194,400,000	21,600	214,200,000	23,800
7	HAG	CP Công ty CP Hoàng Anh Gia	6,800	342,691,872	50,396	6,800	342,691,872	50,396	(210,091,872)	(159,771,872)	19,500	6,800	132,600,000	19,500	182,920,000	26,900
8	DC2		13,200	267,755,663	20,285	13,200	267,755,663	20,285	(185,915,663)	(171,395,663)	6,200	13,200	81,840,000	6,200	96,360,000	7,300
9	VHG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	13,000	249,382,673	19,183	13,000	249,382,673	19,183	(198,682,673)	(184,382,673)	3,900	13,000	50,700,000	3,900	65,000,000	5,000
10	S99	Công ty CP sông đà 9.09	5,000	95,953,667	19,191	5,000	95,953,667	19,191	(70,453,667)	(62,453,667)	5,100	5,000	25,500,000	5,100	33,500,000	6,700
11	ALP	CP Công ty CP Alphanam	6,000	94,093,403	15,682	6,000	94,093,403	15,682	(49,093,403)	(47,893,403)	7,500	6,000	45,000,000	7,500	46,200,000	7,700
12	CTG	CP NHTM CP Công thương VN	6	153,134	25,522	6	153,134	25,522	(46,934)	(21,134)	17,700	6	106,200	17,700	132,000	22,000
13	DHC	CP Công ty CP Đông Hải Bến Tre	4,000	59,704,820	14,926	4,000	59,704,820	14,926	(32,504,820)	(22,904,820)	6,800	4,000	27,200,000	6,800	36,800,000	9,200
14	TTF	CP Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	4,200	77,788,199	18,521	4,200	77,788,199	18,521	(54,588,199)	(48,808,199)	5,800	4,200	24,360,000	5,800	28,980,000	6,900
15	NSP	Công ty CP nhựa Sam Phú	60,000	560,000,000	9,333	60,000	560,000,000	9,333	(464,000,000)	(464,000,000)	2,000	60,000	120,000,000	2,000	96,000,000	1,600
16	VTC	CP Công ty CP Viễn thông VTC	76	2,398,049	31,553	76	2,398,049	31,553	(2,208,049)	(2,147,249)	2,500	76	190,000	2,500	250,800	3,300
		Tổng cộng		7,408,363,012		335,982	7,408,363,012		(5,176,416,811)	(4,755,990,212)			2,257,106,200		2,652,372,800	

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUI I - 2012

Phụ lục 2: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	7,012,073,885	879,980,436	3,417,009,300	296,656,516	-	11,605,720,137
Mua sắm mới, nâng cấp, sửa chữa	210,982,727	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán, khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	7,223,056,612	879,980,436	3,417,009,300	296,656,516	-	11,816,702,864
Giá trị hao mòn	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	4,120,673,807	851,692,599	1,480,396,181	181,424,945	-	6,634,187,532
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	112,355,948	4,483,434	88,854,460	13,322,944	-	219,016,786
Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4,233,029,755	856,176,033	1,569,250,641	194,747,889	-	6,853,204,318
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	2,891,400,078	28,287,837	1,936,613,119	115,231,571	-	4,971,532,605
Số cuối năm	2,990,026,857	23,804,403	1,847,758,659	101,908,627	-	4,963,498,546

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUI I - 2012

Phụ lục 3: Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chuyển giao công nghệ Sản xuất			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Trang web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8,847,494,503	202,000,000	12,100,000	9,351,496,735
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua sắm mới, nâng cấp, sửa chữa				
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối năm	8,847,494,503	202,000,000	12,100,000	9,351,496,735
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1,705,669,276	88,370,370	8,318,750	1,907,045,316
Khấu hao trong năm	49,203,682	14,879,630	756,250	73,882,600
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối năm	1,754,872,958	103,250,000	9,075,000	1,980,927,916
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7,141,825,227	113,629,630	3,781,250	7,444,451,419
Số cuối năm	7,092,621,545	98,750,000	3,025,000	7,370,568,819